

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 18/4/2022
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Kim Liên.
2. Ông Đặng Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn :

- Bà **Bùi Ngọc H** – sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 196, tổ 10, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G. Có mặt.

- Ông **Bùi Duy P** – sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 196, tổ 10, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G; Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Duy P là bà Bùi Ngọc H, theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2022.

2. Bị đơn:

- Ông **Hồ Nam G** – sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 61-63 đường Lê Quý Đôn, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G. Có mặt.

- Bà **Lê Kim T** – sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 61-63 đường Lê Quý Đôn, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Bùi Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau:

Trước đây vợ chồng tôi có cho ông Hồ Nam G, bà Lê Kim T vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Sau đó, ông G, bà T có trả nợ gốc được 02 lần, lần đầu trả vào ngày 10/5/2020 số tiền 100.000.000 đồng, lần hai trả vào ngày 10/4/2021 số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền gốc ông G, bà T còn nợ là 360.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi, ông G, bà T có trả lãi cho vợ chồng tôi nhưng không đầy đủ và có nợ lại một phần tiền lãi. Nhưng đến ngày 01/5/2021 ông G, bà T có làm giấy cam kết thanh toán tiền, trong đó tiền gốc còn nợ là 360.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/4/2021 là 13.000.000 đồng.

Sau đó ông G, bà T không trả nợ theo cam kết. Đến ngày 12/01/2022 ông G, bà T có trả thêm số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Số tiền gốc ông G, bà T còn nợ là 300.000.000 đồng.

Thời gian tính lãi từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/12/2021 là 08 tháng nhưng bà H, ông P chỉ tính lãi 04 tháng với số tiền là $360.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 04 tháng = 21.600.000$ đồng. Như vậy tổng tiền lãi tính đến ngày 10/12/2021 là $13.000.000đ + 21.600.000đ = 34.600.000$ đồng.

Thời gian từ ngày 11/12/2021 đến ngày 11/01/2022, bà H, ông P không yêu cầu ông G, bà T phải trả tiền lãi.

Nay bà H, ông P yêu cầu ông G, bà T phải trả số tiền nợ là 334.600.000 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/12/2021 là 34.600.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông G, bà T tiếp tục trả tiền lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 12/01/2022 cho đến khi trả hết nợ.

- Ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T trình bày:

Ông, bà thừa nhận trước đây vào năm 2011 vợ chồng ông, bà có vay của bà Bùi Ngọc H và ông Bùi Duy P số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Vợ chồng ông, bà có trả nợ gốc được 02 lần, cụ thể ngày 10/5/2020 trả số tiền 100.000.000 đồng và ngày 10/4/2021 trả số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi, vợ chồng ông, bà có trả đầy đủ tiền lãi cho bà H, ông P từ lúc vay cho đến khoảng năm 2019 và sau đó có chậm trả tiền lãi và có nợ lại một phần tiền lãi. Đến ngày 01/5/2021 vợ chồng ông, bà có làm giấy cam kết thanh toán tiền cho ông P, bà H, trong đó có thỏa thuận tiền gốc còn nợ là 360.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/4/2021 còn nợ là 13.000.000 đồng. Sau đó do tình hình dịch bệnh ông, bà có gặp khó khăn về kinh tế nên chưa thực hiện được việc trả tiền cho bà H, ông P theo cam kết. Đến ngày 12/01/2022, vợ chồng ông, bà có trả thêm số tiền nợ gốc cho bà H, ông P là 60.000.000 đồng, số tiền nợ gốc ông, bà còn nợ bà H, ông P là 300.000.000 đồng.

Nay ông G, bà T đồng ý trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, ông, bà xin

không phải trả tiền lãi do hiện tại kinh tế làm ăn khó khăn vì ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Về phương thức trả nợ ông G, bà T xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Đối với số tiền lãi ông, bà đã trả cho bà H, ông P thì ông, bà không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa, bà H không đồng ý cách trả nợ của bà T, ông G. Nếu tại phiên tòa bà T, ông G thanh toán 01 lần hết số nợ 300.000.000 đồng thì bà H đồng ý không tính lãi, còn không thì bà H yêu cầu phải trả số tiền gốc và lãi là 334.600.000 đồng theo quy định của pháp luật và tiếp tục yêu cầu ông G, bà T trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 12/01/2022 cho đến khi trả hết nợ vay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T, ông G phải trả số tiền vay cả gốc và lãi cho bà H, ông P. Buộc bà T, ông G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T có nơi cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bùi Duy P vắng mặt nhưng có người đại diện là Bùi Ngọc H có mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Bùi Ngọc H, ông Bùi Duy P khởi kiện yêu cầu ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T trả số tiền vay 334.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc 300.000.000 đồng, số tiền lãi 34.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 12/01/2022 trên số tiền nợ gốc. Ông G, bà T thừa nhận có nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng, không có ý kiến về số tiền lãi đã đóng trước đó và đồng ý thanh toán mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xin bà H, ông P bỏ phần lãi suất nhưng bà H, ông P không đồng ý. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của bà H, ông P là có cơ sở nên chấp nhận. Do bà T, ông G vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi trên số tiền phải trả. Lãi suất bà H, ông P yêu cầu không vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định nên được chấp nhận, cụ thể số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử 18/4/2022 là 03 tháng 06 ngày x 1%/tháng x 300.000.000 đồng = 9.600.000 đồng.

Vì vậy nên buộc bà T, ông G phải trả cho bà H, ông P tổng số tiền cả gốc và lãi là 334.600.000 đồng + 9.600.000 đồng = 344.200.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông G, bà T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T phải trả cho bà Bùi Ngọc H và ông Bùi Duy P số tiền là 344.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 44.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T phải chịu số tiền án phí là 17.210.000 đồng.

- Bà Bùi Ngọc H và ông Bùi Duy P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do ông, bà thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Ngọc H, ông Bùi Duy P, ông Hồ Nam G và bà Lê Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÔÙ SÔ

- TAND tænh Kieân G;
- VKSND tænh Kieân G;
- VKSND huyeân Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöông ngöôøi TGTT;
- Löu taáp aùn, hoà sô;

THAẢM
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN
TOØA

Nguyễn Văn Pho